TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30**/2023/DS-ST
Ngày: 27/4/2023.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Văn Thanh Bình

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Phước

2. Ông Đào Khel

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa*:** bà Nguyễn Lê Ngọc - Kiểm sát Viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số **123**/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/QĐXXST- DS ngày 20 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng NN; Trụ sở chính: số , phường C, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo giấy ủy quyền số xxx/GUQ-NHN$_o$TPST, ngày 19/9/2022): chị Nguyễn Lê Kim Ng, Cán bộ Pháp chế - Ngân hàng NN - Chi nhánh thành phố S. (có mặt)

Địa chỉ: số , đường Đ, phường x, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* anh Võ Phước T, sinh năm 19xx2 – chị Huỳnh Thị T, sinh năm 19xx. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 2, ấp Đ, xã Mỹ, huyện KS, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vu liên quan:*

+ Bà Võ Thị Thanh Đ, sinh năm 19xx (vắng mặt)

+ Anh Võ Tấn Kh, sinh năm 19xx (vắng mặt)

Địa chỉ: số, ấp Đ, xã M, huyện KS, tỉnh Sóc Trăng

+ Cháu Võ Huỳnh Kh, sinh ngày 08/8/20xx (vắng mặt)

Địa chỉ: số , ấp Đ, xã M, huyện KS, tỉnh Sóc Trăng.

Người giám hộ cho cháu Kh: anh Võ Phước T, sinh năm 19xx – chị Huỳnh Thị T, sinh năm 19xx(vắng mặt)

Địa chỉ: số , ấp Đ, xã M, huyện KS, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 6 năm 2022 và các lời khai tại Toà án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Lê Kim Ngân trình bày:

Ngày 31/3/2020 anh Võ Phước T – chị Huỳnh Thị T có vay vốn của Ngân hàng NN, chi nhánh thành phố ST tại Hợp đông tín dụng số 7601-LAV-202000233 với số tiền 200.000.000 đồng thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Đến hạn trả nợ anh T, chị T không có khả năng trả, có làm đơn xin gia hạn thời hạn trả nợ đến ngày 28/3/2022; mục đích vay: Đại tu xe và mua bán trái cây.

Tính đến ngày 15/6/2022 anh T, chị T còn nợ của Ngân hàng NN, chi nhánh thành phố ST số tiền 232.630.137 đồng, trong đó: Dư nợ gốc là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn 30.465.753 đồng, lãi quá hạn 2.164.384 đồng.

Hợp đồng tín dụng trên được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 76/HĐTC/2020 ngày 31/3/2020 được ký giữa Ngân hàng NN, chi nhánh thành phố ST với anh T, chị T. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 264567, số vào sổ CH03414 do Uỷ ban nhân dân huyện Kế Sách cấp ngày 31/12/2015 cho anh T, chị T (Thửa đất số 55, tờ bản đồ 35, diện tích 3962,5m^2) địa chỉ ấp Đ, xã M, huyện KS, tỉnh Sóc Trăng.

Ngân hàng NN, chi nhánh thành phố ST đã nhiều lần cử cán bộ trực tiếp làm việc để đôn đốc và có văn bản yêu cầu anh T, chị T thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, tính đến nay anh T, chị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay Ngân hàng NN yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng giải quyết: Buộc anh Võ Phước T – chị Huỳnh Thị T trả nợ gốc 200.000.000 đồng, lãi trong hạn 42.684.932 đồng, lãi quá hạn 10.821.918 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 253.506.849 đồng. Đồng thời, buộc anh Võ Phước T – chị Huỳnh Thị T phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng. Trong trường hợp anh Võ Phước T – chị Huỳnh Thị T không thanh toán đầy đủ số tiền gốc và lãi phát sinh thì xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 76/HĐTC/2020 ngày 31/3/2020 được ký Ngân hàng NN, chi nhánh thành phố ST với anh T, chị T là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Giành quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng cho người thứ ba đang quản lý sử dụng tài sản trên đất.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đối với các đương sự nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, còn bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, vì bị đơn vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt các phiên tòa không có lý do.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Về sự vắng mặt của bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến lần thứ hai tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng tín dụng số Hợp đông tín dụng số 7601-LAV-202000233 ngày 31/3/2020. Do bị đơn thực hiện không đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Cho nên, xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: theo khoản 5 Điều 9 của Hợp đồng tín dụng hai bên ký kết, các bên có thỏa thuận khi phát sinh tranh chấp, mà các bên không thương lượng được thì các bên thống nhất giải quyết tranh chấp tại Tòa án nơi có trụ sở của Ngân hàng NN chi nhánh thành phố ST. Xét thấy, Ngân hàng NN chi nhánh thành phố ST có trụ sở tại thành phố Sóc Trăng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: do các bên không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu nên Tòa án không đặt ra xem xét về thời hiệu khởi kiện.

Về nội dung:

[5] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán nợ của nguyên đơn:

[5.1] Theo Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ trả nợ ngày 07/4/2020 kèm theo Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-202000233 ngày 31/3/2020 thể hiện: vào ngày 07/4/2020 Ngân hàng NN, chi nhánh thành phố ST (sau đây viết tắt là

Ngân hàng) có giải ngân cho anh Võ Phước T số tiền 200.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng. Như vậy, đến ngày 31/3/2021 thì anh Võ Phước T phải thanh toán tất nợ nhưng anh T thực hiện không đúng như thỏa thuận. Đến ngày 31/3/2021 anh T không thanh toán tất nợ là vi phạm khoản 3 Điều 5 của Hợp đồng tín dụng. Cho nên, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc và lãi là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[5.2] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện Ngân hàng đã cung cấp được các tài liệu như: Hợp đồng tín dụng, Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ trả nợ ngày 07/4/2020 kèm theo Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-202000233 ngày 31/3/2020, các tài liệu này đều đọc được nội dung và là bản sao có chứng thực căn cứ vào khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định các tài liệu này là các chứng cứ.

[5.3] Theo như các chứng cứ Ngân hàng cung cấp thì nguyên đơn chứng minh được vào ngày 07/4/2020 anh T có nhận tiền vay của nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng. Ngân hàng trình bày từ khi giải ngân cho đến nay anh T chưa thanh toán nợ gốc cho Ngân hàng. Thấy rằng, sau khi thụ lý vụ án Toà án cũng đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh T, chị T nội dung Thông báo thụ lý vụ án thể hiện rõ số nợ mà anh T, chị T còn nợ của Ngân hàng nhưng đến nay phía anh T, chị T cũng không có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì khác, căn cứ vòa khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xem như phía anh Thi đồng ý số nợ mà Ngân hàng yêu cầu anh T, chị T thanh toán. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/4/2023) thì anh T, chị T còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng.

[6] Xét yêu cầu trả lãi của nguyên đơn: khoản 1 Điều 2 của Hợp đồng tín dụng thì hai bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 10%/năm và quá hạn là 150% lãi trong hạn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tính dụng; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tính đến ngày 27/4/2023 phía anh T, chị T còn nợ lãi của nguyên đơn: 42.684.932 đồng; lãi quá hạn: 10.821.918 đồng.

[7] Mặc dù, Hợp đồng tín dụng chỉ có anh Võ Phước T ký kết với Ngân hàng nhưng khi đến hạn thanh toán nợ thì phía Ngân hàng có làm việc với anh T, chị T. Tại các buổi làm việc, lần sau cùng vào ngày 06/4/2022 thì anh T, chị T thừa nhận anh chị là vợ chồng và cam kết trả nợ cho Ngân hàng trong thời hạn 02 tháng tính từ ngày 06/4/2022. Đến nay, đã quá hạn cam kết mà anh T, chị T chưa trả nợ cho Ngân hàng. Cho nên, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh T và chị T cùng trả nợ, tính đến ngày 27/4/2023 anh T, chị T còn nợ của Ngân hàng nợ gốc 200.000.000 đồng, lãi trong hạn 42.684.932 đồng; lãi quá hạn: 10.821.918 đồng. Tổng cộng vốn và lãi 253.506.849 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[8] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn: thấy rằng, Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng với bị đơn được hai bên lập thành văn bản, có công chứng và đăng ký thế chấp đúng theo quy định của pháp luật là phù hợp với các quy định tại Điều 317, Điều 318; Điều 319, Điều 325 của Bộ luật Dân sự. Theo

thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp thì trường hợp anh T không thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu trường hợp đến hạn thanh toán nợ mà bị đơn không thanh toán thì xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp mà hai bên ký kết là phù hợp với các quy định Điều 323 của Bộ luật Dân sự nên có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, trên phần đất thế chấp có căn nhà người thứ ba (Võ Thị Thanh Đ) đang quản lý sử dụng căn cứ vào Án lệ số: 11/2017/AL, ngày 14/12/2017 của Tòa án nhân dân tối cao thì khi phát mãi quyền sử dụng đất anh T, chị T thế chấp cho Ngân hàng, dành quyền ưu tiên cho bà Đ nhận chuyển nhượng đối với phần quyền sử dụng đất mà bà đã xây dựng nhà ở nếu như bà Đang có nhu cầu.

[9] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: căn cứ vào Điều 157 và Điều 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì anh Võ Phước T, chị Huỳnh Thị T phải chịu là 990.000 đồng. Ngân hàng đã nộp tạm ứng trước, cho nên anh T, chị T có trách nhiệm hoàn trả chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng.

[10] Án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ vào khoản 2 Điều 26 điểm b, tiểu mục 1.3 mục 1 phần I Danh mục án phí lệ phí của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị đơn phải chịu là 12.675.342 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 323, Điều 325 của Bộ luật Dân sự.

- Áp dụng: khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng: khoản 3 Điều 26; điểm b, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95; Điều 157, Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Áp dụng: Án lệ số 11/2017/AL, ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân tối cao, về công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà trên đất có tài sản không thuộc sở hữu của bên thế chấp.

Áp dụng: khoản 2 Điều 26 điểm b, tiểu mục 1.3 mục 1 phần I của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NN. Buộc anh Võ Phước T và chị Huỳnh Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng NN nợ gốc 200.000.000 đồng, lãi trong hạn 42.684.932 đồng, lãi quá hạn 10.821.918 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 253.506.849 đồng.

Đến hạn thanh toán nợ anh T, chị T không có khả năng thanh toán nợ thì Ngân hàng NN có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 55, tờ bản đồ 35, diện tích 3962,5m^2; tọa lạc tại ấp Đ, xã M, huyện KS, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 26xxxx, số vào sổ CH0xxxx do Uỷ ban nhân dân huyện Kế Sách cấp ngày 31/12/2015 cho anh T, chị T và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 76/HĐTC/2020 ngày 31/3/2020 mà hai bên đã ký kết. Dành quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng phần quyền sử dụng đất cho bà Võ Thanh Đ đối với phần quyền sử dụng đất mà bà Đ đã xây dựng nhà ở, nếu như bà Đ có nhu cầu.

Kể từ ngày 28/4/2023, anh T, chị T chưa thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng NN thì hàng tháng anh T, chị T còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 990.000 đồng anh Võ Phước T, chị Huỳnh Thị T phải chịu và có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng NN.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Anh Võ Phước T, chị Huỳnh Thị T phải chịu là 12.675.342 đồng.

3.2 Ngân hàng NN không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng NN tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.800.000 đồng theo biên lai thu số 0000581 ngày 28/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

4. Nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND-TPST;
- Chi cục THADS-TPST;
- TAND -TST;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Thanh Bình